

I. SỐ TỰ NHIÊN, DÃY SỐ TOÁN LỚP 5 ÔN THI LỚP 6

1. Số tự nhiên

* Các số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, ... là các số tự nhiên.

Số 0 là số tự nhiên bé nhất.

Không có số tự nhiên lớn nhất.

* Có 10 chữ số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để ghi số trong hệ thập phân.

Trong hệ thập phân, 10 đơn vị của một hàng nào đó bằng 1 đơn vị của hàng cao hơn (liền trước nó).

Kí hiệu \overline{abcd} để chỉ một số tự nhiên có 4 chữ số gồm a, b, c, d. Trong đó: a ở hàng nghìn, b ở hàng trăm, c ở hàng chục, d ở hàng đơn vị. $1 \leq a \leq 9; 0 \leq b; c; d \leq 9$

$$- \overline{abcd} = \overline{a000} + \overline{b00} + \overline{c0} + d = 1000 \times a + 100 \times b + 10 \times c + d$$

$$\text{Ví dụ: } 2345 = 2000 + 300 + 40 + 5 = 2 \times 1000 + 3 \times 100 + 4 \times 10 + 5$$

* Các số tự nhiên có chữ số tận cùng là: 0, 2, 4, 6, 8 là các số tự nhiên chẵn.

* Các số tự nhiên có chữ số tận cùng là: 1, 3, 5, 7, 9 là các số tự nhiên lẻ.

* Các phép tính đối với số tự nhiên:

- Phép cộng và phép nhân số tự nhiên có tính chất giao hoán, kết hợp.

- Quan hệ giữa các phép tính:

$$(a + b) \times c = a \times c + b \times c \qquad a + (b - c) = (a + b) - c = (a - c) + b$$

$$(a - b) \times c = a \times c - b \times c \qquad a : (b \times c) = (a : b) : c = (a : c) : b$$